



Tinh thần nhập thế của PGVN trong sự nghiệp giải phóng dân tộc

ISSN: 2734-9195 08:05 01/12/2025

Phật giáo phải tiếp tục là một lực lượng tinh thần góp phần bảo vệ và phát triển đất nước - không phải bằng sức mạnh vũ khí, mà bằng “phòng tuyến tâm linh”: giáo dục đạo đức, gìn giữ văn hóa, cổ vũ lòng từ bi và tôn trọng sự sống.

Tác giả: **TS Lê Thanh Bình (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Dẫn nhập

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, Phật giáo Việt Nam đã không ngừng tỏa rạng như ngọn đèn trí tuệ giữa đêm dài của một dân tộc luôn chịu sự xâm lược đô hộ của ngoại bang, thấp sáng niềm tin, khai mở tâm thức, và nuôi dưỡng ý chí giải phóng cho mỗi người dân Việt (2). Đạo Phật, từ buổi đầu du nhập vào đất Việt, không những đã bén rễ sâu vào lòng dân tộc, mà còn hòa quyện bền vững với linh hồn văn hóa, trở thành một phần bất khả phân của dòng chảy lịch sử (3). Từ tiếng chuông chùa ngân vang trong thời loạn lạc đến hình ảnh thiền sư song hành cùng các nhân sỹ tham gia cách mạng, Phật giáo đã thực sự nhập thế bằng tâm từ bi và tuệ giác, sát cánh cùng dân tộc trong những thời khắc quyết định (4).



Hình minh họa (nguồn: Internet)

Đặc biệt, vào đầu thế kỷ XX, khi đất nước chìm trong đêm đen của thực dân, phát xít và chiến tranh, đạo Phật không an trú trong tĩnh lặng nếp chùa, mà bước ra giữa trần gian khổ lụy bằng hơi thở từ bi và hành động dẫn thân (5). Các bậc cao Tăng và cư sĩ, như những vị Bồ-tát hóa thân, đã đem thân tâm phụng sự lý tưởng độc lập, tự do cho dân tộc. Tinh thần nhập thế - vốn là cốt lõi của Phật giáo Đại thừa - đã trở thành một phương tiện thiện xảo (*upāya-kausalya*) để hóa độ xã hội, chuyển hóa khổ đau, và phụng sự chúng sinh trong thời đại biến động (6).

Không thể không nhắc đến những đóng góp cụ thể của Phật giáo trong giai đoạn tiền khởi nghĩa và Cách mạng Tháng Tám 1945, một cuộc cách mạng có tính chất dấu mốc thiêng liêng như một lễ “xuất gia” của dân tộc: rũ bỏ ách nô lệ để bước vào thời đại “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”.

Trong hành trình ấy, Phật giáo Việt Nam, với truyền thống từ thời Lý - Trần, đã tiếp nối mạch nguồn yêu nước - cứu dân bằng tâm nguyện “vị pháp vong thân,” thể hiện qua hành động cụ thể: che chở cán bộ cách mạng, in truyền đơn trong chùa, mở lớp bình dân học vụ và lan tỏa tinh thần bất bạo động, khai dân trí, chấn dân khí.

Lịch sử đã cho thấy, không phải ngẫu nhiên mà Phật giáo có thể đứng vững qua các triều đại và biến thiên thời cuộc. Chính nhờ vào bản chất linh hoạt, từ bi và trí tuệ - vừa siêu thoát, vừa nhập thế - đạo Phật đã trở thành nguồn dưỡng khí tinh thần cho biết bao thế hệ người Việt Nam. Đức Phật dạy: “Trí tuệ là sự nghiệp lớn” (*Paññā nibbānam uttamam*) (7) - và quả thực, chính nhờ ánh sáng trí tuệ ấy, Phật giáo Việt Nam đã góp phần soi đường cho cuộc cách mạng dân

tộc, dân chủ, nhân văn - cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại - một dấu son chói lọi trong lịch sử Việt Nam hiện đại.

Ngày Quốc khánh mừng 2 tháng 9 không chỉ là ngày khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà còn là minh chứng cho sự hội tụ của mọi nguồn lực tâm linh - trong đó có Phật giáo - vào dòng chảy lớn lao của khát vọng tự do, hòa bình và hạnh phúc. Chính trong tinh thần ấy, đạo Phật, với bản chất vô ngã vị tha, đã hóa thân vào từng nhịp thở của dân tộc, từng bước chân kháng chiến, và từng trang sử vàng son của nền độc lập.

II. Phật giáo với tinh thần nhập thế trong lịch sử dân tộc

Lịch sử dân tộc Việt Nam là một trường thiên hùng ca, nơi đạo và đời không tách lìa, nơi đạo Phật đã hòa dòng cùng vận mệnh quốc gia như sữa với nước, như mạch ngầm tinh thần dưỡng nuôi tâm hồn người Việt qua bao thế kỷ. Tinh thần nhập thế của Phật giáo không chỉ là một khái niệm triết học, mà là sự sống động thể hiện trong từng hành động, từng hơi thở, từng bước chân của các thiền sư, cư sĩ, và hàng triệu tín đồ Phật tử - những người đã chọn con đường Bồ-tát đạo giữa cuộc đời trăm luan, để gánh lấy đau khổ của chúng sinh, trong đó có nỗi thống khổ của một dân tộc từng bị áp bức, đô hộ.

2.1 Từ thời Lý - Trần: Hào khí Phật giáo đồng hành cùng quốc vận

Nếu muốn tìm một minh chứng hùng hồn cho vai trò nhập thế của Phật giáo, thì triều đại Lý - Trần chính là thời kỳ rực rỡ nhất. Thiền sư Vạn Hạnh - bậc “quốc sư” mẫu mực - không chỉ là bậc thầy trong đạo hạnh, mà còn là nhà tiên tri, người dựng cột cờ tư tưởng cho triều Lý sáng lập quốc gia độc lập sau thời kỳ Bắc thuộc. Lời dạy của Thiền sư: “Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết / Đêm qua sân trước một nhành mai” chính là sự biểu hiện của tuệ giác nhìn thấu vô thường, chuyển biến xã hội để hướng về sự hưng thịnh (8) Ngài đã hóa đạo cho Lý Công Uẩn - người sau này trở thành vua Lý Thái Tổ - và qua đó, góp phần tạo dựng một triều đại rực rỡ với chính sách lấy Phật pháp làm gốc trị quốc an dân.



Hình minh họa (nguồn: Internet)

Trong thời Trần, Phật giáo càng phát huy trọn vẹn tinh thần nhập thế khi các vị vua cũng là những bậc thiền giả. Trần Thái Tông từng viết: “Nước không thể một ngày không có vua, người tu không thể một ngày rời tâm giác ngộ,” thể hiện sự gắn kết mật thiết giữa trách nhiệm thế gian và sự nghiệp giải thoát (9). Cao điểm là ở Trần Nhân Tông - vị vua anh minh đã hai lần lãnh đạo nhân dân đánh thắng Nguyên Mông, sau đó xuất gia và sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - dòng thiền đầu tiên mang bản sắc thuần Việt. Tư tưởng của ngài là biểu tượng cao quý của “phụng đạo giúp đời,” hay như chính ngài khuyến khích các học tăng: “Cư trần lạc đạo, thả tùy duyên”.

Đây là minh chứng sâu sắc cho khả năng dung thông giữa đạo và đời, giữa tinh thần vô ngã của Phật pháp và ý thức tự chủ, tự cường dân tộc - một tinh thần sẽ còn vang vọng và được kế thừa trong các phong trào yêu nước thời cận đại.

2.2 Phật giáo trong phong trào yêu nước và chấn hưng đầu thế kỷ XX

Khi thực dân Pháp đặt ách thống trị lên đất nước, nhiều phong trào kháng Pháp nổ ra với sự tham gia âm thầm nhưng thiết thực của giới tu sĩ Phật giáo. Các chùa chiền không chỉ là nơi tu hành mà còn là nơi cất giấu tài liệu, tiếp tế, tổ chức hội họp bí mật. Nhiều vị sư như Khánh Hòa, Thiện Chiếu, Trí Hải, Tố Liên... đã không ngần ngại dấn thân vào dòng xoáy lịch sử, thắp sáng ngọn đèn dân trí giữa màn đêm nô lệ.

Phong trào Chấn hưng Phật giáo diễn ra từ thập niên 1920 - 1945 khắp cả ba miền Bắc - Trung - Nam là một sự kiện văn hóa lớn, vừa có ý nghĩa tôn giáo, vừa

mang hàm ý chính trị sâu sắc. Trong bối cảnh Phật giáo bị suy đồi bởi ảnh hưởng của mê tín và thực dân lợi dụng, các vị cao Tăng đã khởi xướng công cuộc cải cách toàn diện như mở lớp giảng Phật pháp bằng quốc ngữ, tổ chức hội Phật giáo, xuất bản tạp chí (như Từ Bi Âm, Viên Âm) và đẩy mạnh giáo dục Tăng tài. Mục tiêu là phục hưng tinh thần đạo Phật chân chánh, khơi dậy ý thức dân tộc, đồng thời nuôi dưỡng lòng tự tôn văn hóa trong nhân dân (10).

Điều đáng quý là dù trong cảnh dầu sôi lửa bỏng, các vị Tăng sĩ vẫn giữ gìn giới đức, hành đạo giữa trần gian mà không vướng bụi trần. Họ không trực tiếp cầm giáo gươm, súng ống nhưng tinh thần của họ - như ngọn gió giới hương - đã tiếp sức cho hàng vạn tâm hồn đang khao khát tự do.

2.3 Nhập thế trong hình thái Bồ-tát đạo giữa thời hiện đại

Bồ-tát không chỉ hiện thân qua những hình ảnh siêu nhiên trong kinh sách, mà chính là hiện thân sống động giữa đời thường - những con người biết dấn thân vì lợi ích của cộng đồng, dân tộc, mà không màng danh lợi cá nhân. Phật giáo Việt Nam, trong những năm tháng tiền khởi nghĩa, đã sản sinh ra những Bồ-tát như thế. Các vị Tăng Ni trở thành những vị thầy mở lớp học chữ quốc ngữ giữa đình làng, là người ẩn mình sau mái chùa cổ để nuôi dưỡng cán bộ cách mạng, là người tổ chức cứu tế, chữa bệnh, giúp dân trong nạn đói năm 1945.

Không ít các chùa tại Huế, Hà Nội, Bắc Giang, Hà Nam, Bến Tre, Cần Thơ... đã trở thành “Phật đường kháng chiến,” nơi lan tỏa không chỉ ánh sáng chánh pháp, mà còn là niềm tin vào vận mệnh độc lập của đất nước (11). Tinh thần “tùy duyên bất biến” giúp Phật giáo vừa giữ được cốt lõi đạo pháp, vừa linh hoạt trong hành động - thích ứng với hoàn cảnh đất nước, nhưng không đánh mất căn tính.

Đặc biệt, tư tưởng từ bi và bất bạo động trong đạo Phật trở thành nền tảng tinh thần cho nhiều phong trào đấu tranh ôn hòa. Tăng sĩ thời ấy không chủ trương dùng bạo lực, nhưng dùng sức mạnh của đạo đức và ý chí để cảm hóa lòng người. Đó là biểu hiện của đại hùng - đại lực - đại từ - đại bi: sức mạnh của người giác ngộ không phải là thống trị, mà là dẫn dắt quần chúng đến giải phóng chân chính.

Từ những dòng lịch sử đầy máu và nước mắt, ta thấy hiện lên bóng dáng của đạo Phật không như một tôn giáo thuần túy cầu an, mà là một đạo sống, một đạo hành, một đạo chiến đấu bằng trí tuệ, từ bi và lòng yêu nước. Tinh thần nhập thế ấy chính là chiếc thuyền đại nguyện chở đạo vào đời, vượt qua bão tố

thời cuộc, để cùng dân tộc đi đến bến bờ giải thoát - không chỉ trong tâm linh mà cả trong hiện thực chính trị, xã hội. Đó cũng chính là tiền đề làm nên vai trò của Phật giáo trong cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 - một sự kiện lịch sử mang dấu ấn của cả đạo và đời, của cả nguyện lực và hành động.

III. Cách mạng tháng Tám 1945 và Quốc khánh 02/09: Sự hội tụ của tinh thần Phật giáo và khát vọng dân tộc

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thời khắc thiêng liêng trong lịch sử dân tộc - một cột mốc chuyển hóa lớn lao không chỉ về chính trị, mà còn là sự tỉnh thức vĩ đại của ý chí dân tộc. Trong ánh sáng rực rỡ của mùa thu độc lập, ta thấy không chỉ lá cờ đỏ sao vàng tung bay giữa quảng trường Ba Đình lịch sử, mà còn thấp thoáng bóng dáng tà áo tràng của hàng triệu con người đã lặng thầm phụng sự trong suốt quá trình thai nghén và khởi nghĩa. Trong lực lượng âm thầm ấy, Phật giáo - nơi hàng ngàn ngôi chùa, hàng vạn tín đồ, chư Tăng và cư sĩ - đã trở thành một phần của dòng chảy cách mạng, là “nền đất mềm” nuôi dưỡng hạt giống độc lập được đâm chồi từ chính nơi cửa thiền tĩnh lặng.

3.1 Cách mạng như một “cuộc xuất gia” của dân tộc

Nếu trong đời người xuất gia là sự chuyển mình từ ái luyến trần tục sang con đường giác ngộ, thì đối với một dân tộc, cách mạng chính là sự đoạn ly ách nô lệ, phá tan vô minh áp bức để bước vào kỷ nguyên độc lập - một “đại lễ xuất gia” tập thể, trong đó mỗi người dân là một hành giả, và mỗi mái đình, mái chùa là một đạo tràng hun đúc ý chí dân tộc.



Hình minh họa (nguồn: Internet)

Từ Biện Sơn đến Yên Tử, từ chùa Tường Vân ở Huế đến chùa Giác Viên ở Gia Định, nhiều ngôi chùa cổ kính đã trở thành nơi ẩn náu an toàn cho cán bộ Việt Minh, là điểm hẹn truyền đạt tin tức, in ấn tài liệu cách mạng. Đặc biệt, trong những tháng ngày giành chính quyền ở các địa phương, chư tăng đã dùng uy tín đạo hạnh của mình để vận động quần chúng, khuyến hóa dân làng tham gia tuần hành, tiếp ứng và bảo vệ cơ sở. (12)

Tinh thần ấy không phải là ngẫu nhiên. Từ trong cốt lõi, Phật giáo Đại thừa luôn chủ trương “phụng sự chúng sinh là thiết thực cúng dường chư Phật,” và khi chúng sinh đang chìm trong khổ ách nô lệ, thì hành động nhập thế chính là biểu hiện tối thượng của Bồ-tát đạo. Giữa khung cảnh loạn ly, lời nguyện của các vị tăng sĩ như tiếng chuông thức tỉnh: “Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả” để mọi người dân đều thoát khỏi vô minh, sống đời tự do, an lạc.

3.2 Chùa chiến - từ đạo tràng tu học đến căn cứ cách mạng

Giữa những năm cuối thập niên 1930 và đầu 1940, chùa chiến trên khắp cả nước không chỉ là nơi hành lễ, tu học, mà còn trở thành nơi hội tụ tư tưởng tiến bộ. Những lớp bình dân học vụ được mở ngay tại chánh điện, nơi mà lời kinh kệ sáng sớm được nối tiếp bằng bài học vỡ lòng “i tờ” cho quần chúng. Một số Tăng sĩ biết tiếng Pháp còn giúp dịch tài liệu cách mạng cho cán bộ địa phương. Tinh thần “pháp bất ly thế gian pháp” - pháp Phật không tách khỏi pháp đời -

được thể hiện không chỉ trên pháp tòa, mà trong từng hành động cụ thể.

Thầy Thích Trí Hải từng mở lớp học chữ quốc ngữ tại Huế; tại Nam Kỳ, sư Khánh Hòa vận động thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học nhưng đồng thời là nơi kết nối trí thức yêu nước. (13) Tại Bắc Bộ, chùa Bằng A, chùa Quán Sứ, chùa Dâu trở thành điểm tiếp xúc cho các nhóm thanh niên cứu quốc. Chùa đã trở thành “chứng nhân” lặng thầm cho nhiều cuộc hội ý, chuyển thư, truyền đơn - tất cả đều được thực hiện dưới bóng từ bi của đức Phật và sự che chở của tăng đoàn.

Việc nhiều nhà sư cởi áo cà sa để khoác lên mình áo chiến sĩ, hay ngược lại, người chiến sĩ sau ngày độc lập trở về xuống tóc nương cửa thiền, là biểu hiện tuyệt đẹp của sự nối mạch giữa lý tưởng giải thoát cá nhân và lý tưởng giải phóng dân tộc.

3.3 Quốc khánh 02/09 - lễ đản sinh của một quốc gia tinh thức

Ngày mừng 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba Đình, Bác Hồ đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong hàng vạn người dân đứng lặng im dưới nắng thu Hà Nội, có cả những đoàn Phật tử, cư sĩ và sư sãi - họ đã không chỉ đến để nghe một bản tuyên ngôn pháp lý, mà đến để chứng kiến một “lễ đản sinh” - nơi tinh thần từ bi, trí tuệ, bình đẳng và vô úy - những giá trị cốt lõi của đạo Phật - được hiển lộ bằng hành động cụ thể.

Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là văn kiện chính trị, mà còn là lời kêu gọi lương tri nhân loại, là biểu hiện của tâm Bồ-đề: “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được”. (14) Câu nói ấy mang hơi hướng của giới - định - tuệ, nơi con người là chủ thể tự do của vũ trụ, và mỗi quốc gia là một thực thể thiêng liêng cần được tôn trọng.

Phật giáo, từ nền tảng đó, đã đồng hành với chính thể non trẻ qua các hoạt động kiến thiết xã hội. Sau ngày độc lập, nhiều Tăng sĩ tiếp tục tham gia Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên Việt, các tổ chức kháng chiến chống Pháp. Các phong trào Phật giáo yêu nước không hề suy giảm, mà chuyển sang hình thái hỗ trợ xây dựng nhà nước dân chủ, từ thiện xã hội, giáo dục nhân dân và giữ gìn đạo lý.

3.4 Từ cách mạng chính trị đến cách mạng đạo Tâm

Điều đáng quý là, trong khi nhiều tầng lớp xã hội còn bị lay động bởi cơn bão của thời cuộc, Phật giáo đã giữ được bản sắc điểm tĩnh - lấy chánh niệm làm nền tảng, lấy vô ngã làm động lực. Sau cuộc cách mạng giành chính quyền là cuộc cách mạng nội tâm - nơi mà Phật giáo góp phần hình thành đạo đức công dân, đạo lý yêu nước, tinh thần hòa hợp và khoan dung.

Nhiều nhà sư không chỉ là hành giả trên đường đạo, mà còn là người truyền bá tư tưởng nhân bản, chống cực đoan, đẩy lùi mê tín dị đoan, xây dựng đời sống mới từ thôn quê đến thành thị. Tăng sĩ không cầm bút viết Hiến pháp, nhưng họ dạy dân sống theo năm giới, giúp quần chúng biết trọng hiếu đạo, kính pháp luật, hành chánh tín. Trong sự nghiệp dựng nước mới, vai trò ấy quý như nước cam lồ giữa sa mạc sau chiến tranh.

Có thể nói Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02/09 không chỉ là thành quả của đấu tranh chính trị, mà còn là kết tinh của một truyền thống tinh thần sâu sắc. Trong dòng chảy lịch sử ấy, Phật giáo không đứng ngoài, không đứng sau, mà hòa vào như một con sông lặng lẽ nhưng bền bỉ, nuôi dưỡng lòng dân, tưới tẩm niềm tin và soi đường bằng ánh sáng từ bi và trí tuệ. Chính nhờ tinh thần nhập thế mà Phật giáo đã góp phần làm nên thắng lợi vẻ vang này - thắng lợi không chỉ giành lại giang sơn, mà còn khẳng định bản sắc tâm linh của một dân tộc có lịch sử chống ngoại xâm bằng cả sức mạnh lẫn đạo lý.

IV. Tinh thần Phật giáo trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc

Sau ánh hào quang của Cách mạng Tháng Tám và bản Tuyên ngôn độc lập thiêng liêng vang lên trên Quảng trường Ba Đình, đất nước bước vào một giai đoạn mới đầy thử thách và cơ hội. Tổ quốc như một thân thể vừa được giải thoát khỏi gông xiềng, nay cần được chữa lành bằng tâm từ, ý chí, trí tuệ và lòng kiên trì. Hòa trong dòng chảy ấy, Phật giáo Việt Nam - như một dòng sữa tâm linh - tiếp tục nuôi dưỡng đạo lý, thắp sáng chánh kiến và gìn giữ đạo đức xã hội. Từ tinh thần nhập thế thời chiến, Phật giáo bước sang giai đoạn phục vụ đất nước bằng tinh thần xây dựng, hóa độ, hòa hợp và phát triển, đúng như con đường Bồ-tát hành giữa trần thế.

4.1 Từ di sản nhập thế đến công cuộc kiến quốc



Thiền sư Vạn Hạnh. Ảnh: Internet

Ngay từ sau năm 1945, đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhiều tăng sĩ và Phật tử không ngần ngại rời khỏi chốn thiền môn để trực tiếp góp phần vào các phong trào vệ quốc. Có vị giữ vai trò giao liên, có vị mở lớp bình dân học vụ, người thì viết báo, làm thơ, người khác giảng dạy chánh pháp giữa vùng tự do. Họ không “tụng kinh cầu an,” mà hành đạo trong đời sống - tụng lên những bản nguyện giải phóng dân trí, diệt trừ vô minh xã hội bằng chánh pháp và kiến thức khoa học. (15)

Tinh thần Bát Nhã được thể hiện rõ trong phương châm hành động: “vô trí diệt vô đắc” - không chấp vào hình thức, không thủ vào quyền lực, mà chỉ lấy sự lợi lạc cho nhân sinh làm mục tiêu tối hậu. Nhiều Phật tử đã giữ chức vụ trong chính quyền cách mạng, vừa hoàn thành nghĩa vụ công dân, vừa giữ giới hạnh tu hành - minh chứng cho sự dung thông giữa đạo và đời.

Từ năm 1954 đến 1975, khi đất nước còn bị chia cắt, Phật giáo ở hai miền phát triển trong những điều kiện chính trị và xã hội khác nhau, nhưng tinh thần dân tộc vẫn là mẫu số chung. Ở miền Bắc, nhiều Tăng sĩ tiếp tục giảng pháp, giáo dục đạo đức xã hội, tham gia đoàn thể như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quốc hội - một phương thức nhập thế hoàn hảo để có điều kiện hoằng pháp, phổ độ chúng sinh một cách hữu hiệu nhất. Ở miền Nam, Phật giáo trở thành một lực lượng xã hội quan trọng - đặc biệt là phong trào đấu tranh chống chế độ kỳ thị tôn giáo, đã góp phần vào việc lật đổ chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm. (16)

Phong trào Phật giáo miền Nam không chỉ đơn thuần là phản ứng tôn giáo, mà là biểu hiện sâu sắc của tinh thần từ bi - trí tuệ đối kháng với cường quyền, độc

tài. Các cuộc xuống đường tranh đấu - mà tiêu biểu là ngọn lửa yêu nước vì thân của Bồ-tát Thích Quảng Đức - đã làm rung động lương tri nhân loại. Ngọn lửa thiêng soi sáng sự thật, kêu gọi hòa bình, thức tỉnh công lý. Chính hành động từ bi bất bạo động ấy đã đưa đạo Phật từ ngôi chùa trở thành tiếng nói của lương tri xã hội. (17)

4.2 Thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam - biểu tượng thống nhất dân tộc và tôn giáo

Ngày 7 tháng 11 năm 1981, sau nhiều năm vận động và hiệp thương, chín tổ chức và hệ phái Phật giáo trong cả nước đã chính thức thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) - một dấu mốc lịch sử quan trọng không chỉ của Phật giáo, mà còn của cả nền văn hóa dân tộc. Đây không chỉ là sự thống nhất về tổ chức, mà còn là sự hòa hợp giữa tinh thần truyền thống và nhu cầu hiện đại, giữa tâm linh và dân tộc, giữa Bắc - Trung - Nam trong một tinh thần đại đoàn kết. (18)

GHPGVN mới hình thành đã nhanh chóng xác lập phương châm: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” - một khẩu hiệu mang tinh thần nhập thế sâu sắc, phù hợp với giai đoạn lịch sử xây dựng đất nước sau chiến tranh. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một giáo hội mang tính đại diện toàn quốc, không phân biệt hệ phái, dòng tu, vùng miền - thể hiện được bản sắc dân tộc trong lòng Phật giáo.

GHPGVN đã đóng vai trò tích cực trong các lĩnh vực: giáo dục Phật học, từ thiện xã hội, văn hóa dân tộc, bảo tồn di sản và hội nhập quốc tế. Các Học viện Phật giáo được thành lập tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế và Cần Thơ - không chỉ đào tạo Tăng tài mà còn là nơi nuôi dưỡng trí tuệ và phẩm hạnh. Hàng chục ngàn tăng ni trẻ được học tập trong môi trường kỷ cương, giới luật, nhưng cũng tiếp cận các ngành khoa học xã hội, ngôn ngữ, y học, kỹ thuật - để phục vụ cuộc sống trong thời đại mới.

4.3 Từ bi và trí tuệ trong phát triển đất nước thời kỳ hội nhập

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, Phật giáo Việt Nam không chỉ giới hạn vai trò trong nội giới tôn giáo mà còn tham gia vào các vấn đề chung của quốc gia và nhân loại: bảo vệ môi trường, giáo dục đạo đức học đường, xóa đói giảm nghèo, hòa giải xung đột, hỗ trợ y tế cộng đồng. Chùa chiền không còn chỉ là nơi thờ tự, mà trở thành trung tâm sinh hoạt cộng đồng: tổ chức hiến máu

nhân đạo, cứu trợ thiên tai, phát cơm miễn phí cho bệnh nhân, mở lớp học tình thương.

Tinh thần “lục hòa cộng trụ” - sống chung hòa thuận - đã trở thành nguyên lý quan trọng trong các hoạt động liên tôn giáo, đối thoại văn hóa và đoàn kết dân tộc. Giáo hội tham gia nhiều hội nghị quốc tế, thể hiện trách nhiệm với hòa bình thế giới, bảo vệ đạo đức sinh thái và nhân quyền chân chính. Tăng sĩ Việt Nam đã có mặt trong các diễn đàn của Liên Hợp Quốc về tôn giáo và phát triển bền vững. (19)

Ngoài ra, hình ảnh của đạo Phật còn hiện diện trên các phương tiện truyền thông hiện đại: từ mạng xã hội, truyền hình Phật giáo, đến các ứng dụng thiền định và giáo dục online. Điều này cho thấy Phật giáo đã không chỉ “nhập thế,” mà còn “nhập thời” - đồng hành cùng kỷ nguyên số mà vẫn giữ được cốt lõi của giới - định - tuệ.

4.4 Phật giáo như một nguồn lực mềm cho quốc phòng toàn dân

Ngày nay, khi chiến tranh quân sự đã lùi xa nhưng các thách thức an ninh phi truyền thống như suy thoái đạo đức, xung đột văn hóa, ô nhiễm môi trường, và khủng hoảng tinh thần gia tăng - Phật giáo vẫn đang đóng vai trò như một “lực lượng phòng vệ mềm” của quốc gia. Đó là phòng thủ từ gốc rễ: chữa lành tâm thức, xây dựng nhân cách, rèn luyện nội lực. Một người có chánh kiến là một công dân có trách nhiệm. Một xã hội có chánh niệm là xã hội bền vững.



(Ảnh: Internet)

Như nhà nghiên cứu Trần Ngọc Dung cho rằng: “Trong thời đại hậu hiện đại, Phật giáo chính là nguồn dự trữ văn hóa - tinh thần của quốc gia. Phòng tuyến đạo đức mới là nơi giữ gìn độc lập bền vững”. (20)

Từ những ngày đầu non trẻ của nền độc lập cho đến thời kỳ xây dựng và hội nhập, Phật giáo Việt Nam đã không hề đứng ngoài cuộc. Trái lại, đạo Phật - với tinh thần nhập thế - đã trở thành một dòng mạch âm thầm mà mãnh liệt, góp phần gìn giữ căn tính dân tộc, hàn gắn vết thương chiến tranh, nuôi dưỡng lòng từ bi, trí tuệ và trách nhiệm trong mỗi con người. Đó không chỉ là “hành đạo trong đời,” mà là “phụng sự Tổ quốc bằng đạo lý,” là nhập thế để hóa độ quốc dân - theo đúng tinh thần Bồ-tát đạo giữa cõi ta-bà này.

V. Kết luận: Bài học nhập thế cho tăng ni, Phật tử ngày nay

Lịch sử đã chứng minh rằng Phật giáo không bao giờ đứng bên lề vận mệnh dân tộc. Từ buổi sơ khai dựng nước, qua những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, cho đến các thời kỳ kiến thiết hòa bình và hội nhập quốc tế, đạo Phật luôn hiện diện như một ngọn đuốc trí tuệ, một dòng suối từ bi, một nội lực tinh thần âm thầm mà mãnh liệt góp phần giữ nước, cứu dân và tạo đời. Tinh thần nhập thế ấy không chỉ là dấu son vàng son của quá khứ, mà còn là kim chỉ nam cho hiện tại và tương lai.

Ngày nay, trong một thế giới đầy biến động với khủng hoảng giá trị đạo đức, ô nhiễm tâm linh và khủng hoảng hiện sinh, bài học lịch sử từ sự nghiệp nhập thế của Phật giáo Việt Nam trở nên vô cùng quý giá. Đặc biệt, đối với thế hệ Tăng Ni và Phật tử hôm nay, đó là lời nhắc nhở sâu sắc về trách nhiệm của người con Phật trước xã hội, đất nước và thời đại.

Trước hết, tinh thần nhập thế không đồng nghĩa với hòa nhập mất mình, cũng không phải là dấn thân mù quáng. Nhập thế là hành xử giữa đời bằng chánh kiến, bằng tuệ giác, biết đem đạo vào đời một cách khéo cơ - khéo lý. Tăng sĩ không thể chỉ trú ẩn trong thiền thất, mà cần bước ra giữa xã hội, lắng nghe tiếng gọi của thời đại, thấu hiểu nỗi khổ của con người và góp phần chuyển hóa bằng thân - khẩu - ý thanh tịnh.

Thứ đến, người Phật tử hôm nay cần nhận thức rõ rằng hành đạo không chỉ là tụng kinh, lễ bái, mà còn là phụng sự nhân sinh: giúp người nghèo, dạy chữ cho trẻ em vùng sâu, vận động bảo vệ môi trường, kêu gọi sống chánh niệm, hành

xử vị tha. Đó chính là biểu hiện sống động của Bồ-tát đạo - không xa rời trần thế, mà chính trong trần thế mà thành tựu đạo nghiệp.

Cuối cùng, Phật giáo phải tiếp tục là một lực lượng tinh thần góp phần bảo vệ và phát triển đất nước - không phải bằng sức mạnh vũ khí, mà bằng “phòng tuyến tâm linh”: giáo dục đạo đức, gìn giữ văn hóa, cổ vũ lòng từ bi và tôn trọng sự sống. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, Phật giáo Việt Nam cần vững vàng giữ lấy căn tính văn hóa dân tộc, đồng thời biết ứng dụng công nghệ, ngoại ngữ, học thuật hiện đại để truyền bá chính pháp đến với thế giới.

Bồ-tát nhập thế không mong cầu thành tựu cá nhân, mà chỉ mong nguyện độ chúng sinh. Người Tăng sĩ hôm nay, nếu biết tiếp nối tinh thần các bậc Tổ sư - từ Vạn Hạnh đến Trần Nhân Tông, từ Bồ-tát Thích Quảng Đức đến Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thì chắc chắn Phật giáo Việt Nam sẽ tiếp tục đồng hành cùng dân tộc trên con đường xây dựng một xã hội hòa bình, hạnh phúc và thịnh vượng.

Tác giả: **TS Lê Thanh Bình**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Chú thích:

- 1) *Thư ký Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Thiền học Nam truyền.*
- 2) *Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I (Hà Nội: Nxb Văn học, 1994), 212-219.*
- 3) *Trần Văn Giàu, Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam (TP. Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 1997), 115-118.*
- 4) *Hà Văn Tấn, Phật giáo và xã hội Việt Nam cổ - trung đại, Nxb KHXH, 1995, tr. 212-218.*
- 5) *Thích Nhật Từ, Đạo Phật ngày nay: nhập thế và hành đạo, Nxb Tôn giáo, 2015, tr. 39-45.*
- 6) *Nguyễn Đình Chiến, Phật giáo và cuộc kháng chiến chống Pháp, Nxb KHXH, 1982, tr. 56-62.*
- 7) *Thích Minh Châu, Kinh Tập - Sutta Nipāta, Nxb Tôn giáo, 2004, tr. 85.*
- 8) *Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I (Hà Nội: Nxb Văn học, 1994), 173-180.*

- 9) Trần Thái Tông, *Khóa hư lục* (Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin, 2001), 89.
- 10) Trí Hải, *Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, *Tạp chí Viên Âm*, số tháng 6, 1936.
- 11) Thích Minh Châu, *Phật giáo Việt Nam và sự nghiệp cách mạng*, (TP.HCM: Nxb Tôn giáo, 2002), 122-131.
- 12) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận, tập II* (Hà Nội: Nxb Văn học, 1994), 276-281.
- 13) Thích Thiện Hoa, *Lược sử Phật giáo Việt Nam* (TP. HCM: Nxb Tôn giáo, 2005), 199-203.
- 14) Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*, đọc ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình. Văn kiện trong: *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 3.
- 15) Nguyễn Đình Chiến, *Phật giáo và cuộc kháng chiến chống Pháp*, Nxb Khoa học Xã hội, 1982.
- 16) Huỳnh Kim Báu (chủ biên), *Phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam 1963*, Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2006.
- 17) Thích Nhất Hạnh, *Lửa hồng dân hiến*, Nxb Lá Bối, Paris, 1964.
- 18) *Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Kỷ yếu Đại hội Phật giáo Toàn quốc lần thứ I, Hà Nội, 1981.*
- 19) Thích Đức Nghiệp, *Phật giáo Việt Nam và vai trò trong hội nhập quốc tế*, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 3, 2015.
- 20) Trần Ngọc Dung, *Văn hóa Phật giáo và định hướng phát triển con người Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018.

Tài liệu tham khảo:

- 1] Huỳnh Kim Báu (chủ biên), *Phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam 1963*, Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2006.
- 2] Thích Minh Châu, *Kinh Tập - Sutta Nipāta*, Nxb Tôn giáo, 2004.
- 3] Thích Minh Châu, *Phật giáo Việt Nam và sự nghiệp cách mạng*, (TP.HCM: Nxb Tôn giáo, 2002).

- 4] Nguyễn Đình Chiến, Phật giáo và cuộc kháng chiến chống Pháp, Nxb KHXH, 1982.
- 5] Trần Ngọc Dung, Văn hóa Phật giáo và định hướng phát triển con người Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018.
- 6] Trần Văn Giàu, Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam (TP. Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp TP.HCM, 1997).
- 7] Trí Hải, Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Viên Âm, số tháng 6, 1936.
- 8] Thích Nhất Hạnh, Lửa hồng dăng hiến, Nxb Lá Bối, Paris, 1964.
- 9] Thích Thiện Hoa, Lược sử Phật giáo Việt Nam (TP. HCM: Nxb Tôn giáo, 2005).
- 10] Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I (Hà Nội: Nxb Văn học, 1994).
- 11] Hồ Chí Minh, Tuyên ngôn Độc lập, đọc ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình. Văn kiện trong: Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011.
- 12] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Kỷ yếu Đại hội Phật giáo Toàn quốc lần thứ I, Hà Nội, 1981.
- 13] Thích Đức Nghiệp, Phật giáo Việt Nam và vai trò trong hội nhập quốc tế, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 3, 2015.
- 14] Hà Văn Tấn, Phật giáo và xã hội Việt Nam cổ - trung đại, Nxb KHXH, 1995.
- 15] Trần Thái Tông, Khóa hư lục (Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin, 2001).
- 16] Thích Nhật Từ, Đạo Phật ngày nay: nhập thế và hành đạo, Nxb Tôn giáo, 2015.